

# Ứng dụng phim ngắn trong phát triển kỹ năng học tập tự chủ cho sinh viên tiếng Anh chuyên ngành

Dương Thị Lê Dung\*

\*Giảng viên trường Đại học Ngoại ngữ - Đại học Quốc Gia Hà Nội

Received: 10/6/2024; Accepted: 16/6/2024; Published: 27/6/2024

**Abstract:** Nowadays, technology has profoundly influenced almost every part of our cultures, affecting how we live, play, work and most significantly learn. Especially under the circumstances that the covid-19 has been spreading fast and affect basically every country in the world, teachers and students everywhere have to adapt themselves in a “new normal” way of teaching and learning, in which massively requires to use technology. As a result, technology has become one of the most important skills that everyone need to have in order to not just entertain ourselves but also acquire education. Furthermore, employing technology in an education setting is expected to help achieve independent learning as well as improving learning outcomes. Additionally, according to Hoang (2018), in the Vietnamese context of learning and teaching ESP courses, the learners are mostly rather passive in learning text-based and content-based subjects. Hence, visual aids of practical examples of text-based theories can help embellish students’ learning process. Moreover, since the time for in-class learning activities is limited, it is infeasible for students to assimilate the immense wealth of information required in a session. Students, accordingly, need to develop and enhance learning autonomy in order to have life-time chances of revising knowledge and gaining thoughtful insights. Following in the footsteps of Hoang (2018) in researching learning autonomy and the perception of students as autonomous learners, this study focused largely on how to utilize of technology, movie clips to be specific, to boost student’s independent learning and suggested several ways to improve its effectiveness. In order to achieve the stated aims, this research presented the rationale and theoretical perspective of the key issues, building the evidence based for the research. Those key issues include the definition of learning autonomy, different approaches to foster independent learning on the Internet, teachers’ role in promoting learning autonomy and the benefits of video materials in English teaching. The results signified a positive reaction of the students chronologically towards the teaching medium and a good trend of its application in ESP courses.

**Keywords:** Technology, Learning autonomy, English for specific purposes, Teacher’s role, Teaching methods

## 1. Đặt vấn đề

Trong bối cảnh việc học và dạy học ở Việt Nam, giảng viên và giáo viên luôn không ngừng tìm kiếm những tài liệu lôi cuốn để sử dụng trong giảng dạy; tuy nhiên, thường thì những tài liệu được thiết kế riêng cho mục đích giáo dục lại có phần khác biệt với những nội dung mà thực tế học sinh sinh viên sẽ trải nghiệm trong cuộc sống. Để chọn ra được những bài viết, tài liệu um ý, thú vị, vừa phù hợp với nội dung bài học lại vừa phù hợp với trình độ học sinh, sinh viên đòi hỏi người giáo viên phải có khả năng nhận định đánh giá và chất lọc thông tin tốt và vừa phải tìm được nguồn tài liệu mang tính thực tế cao. Thêm vào đó, Hoàng Thu Ba (2018) có nhắc tới trong bài nghiên cứu của mình, trong việc giảng dạy Tiếng Anh và đặc biệt là việc giảng dạy môn Tiếng Anh chuyên ngành, học viên ở Việt Nam thường khá thụ động khi

học những môn học nặng lý thuyết và nhiều nội dung chuyên ngành. Vì vậy nên những ví dụ thực tế dưới dạng hình ảnh như tranh, hình động và các đoạn phim ngắn sẽ giúp hỗ trợ rất nhiều trong quá trình học tập và hiểu bài của học sinh sinh viên. Ngoài ra, vì thời gian tham gia các hoạt động trên lớp có nhiều hạn chế nên sẽ rất khó cho sinh viên hấp thu được lượng kiến thức lớn chỉ vốn vẹn trong 1 buổi học. Vì vậy nên chính sinh viên cũng cần phải có khả năng phát triển và thúc đẩy việc học tập tự chủ để từ đó mở rộng cơ hội học và hiểu sâu vào những vấn đề, để không bị giới hạn về mặt thời gian cũng như địa lý học tập.

Dưới đây sẽ là nội dung tóm tắt một số nghiên cứu về học tập tự chủ, tầm quan trọng của chúng cũng như cách áp dụng các đoạn phim ngắn vào việc phát triển khả năng học tập tự chủ của sinh viên môn tiếng Anh Chuyên ngành.

## 2. Nội dung nghiên cứu

### 2.1. Những phương pháp tiếp cận và thúc đẩy việc học tập tự chủ

Công nghệ phát triển nhanh chóng đã mang tới rất nhiều sự đổi mới trong công tác giảng dạy. Giáo viên ngày nay đã biết cách khai thác mạng Internet và coi nó như là một nguồn tài nguyên cung cấp tài liệu cũng như diễn đàn học tập trực tuyến ngoài giáo trình trên lớp và những bộ tài liệu được làm sẵn cho giáo viên (Teeler & Gray, 2000 được trích từ bài viết của Zhong, 2008). Tài liệu sẵn có đi kèm giáo trình thường có nhiều hạn chế không chỉ về số lượng và dạng bài mà còn thiếu sót trong việc giải quyết những yếu tố khác biệt trong việc học của từng cá nhân, trong khi đó mạng Internet lại có thể cung cấp được môi trường tương tác mang tính cá nhân hoá cao và có khả năng tổ chức được một lớp học với số lượng học viên trong lớp lớn.

#### 2.1. Dưới đây là 2 hình thức học tập phổ biến nhất trên mạng Internet:

##### 2.1.1. Nguồn học tập không có tương tác

Zhong (2008) có giới thiệu đến hai nguồn học tập không có tương tác (giữa người học và giáo viên, giữa người học và người học) đó là báo, tạp chí nước ngoài và trang mạng nước ngoài. Mặc dù hai hình thức học trên không thể vượt trội và thay thế hẳn so với thư viện truyền thống được, nhưng nó lại có được những chức năng cụ thể mà thư viện nói chung không thể có được. Những chức năng này bao gồm tốc độ tìm hiểu và tìm kiếm thông tin, quan điểm đa chiều về một vấn đề cụ thể và hình thức biểu đạt thông tin đa dạng. Thêm vào đó, các hoạt động học ở đây khá đa dạng với các tài liệu học tập khác nhau phù hợp với nhiều loại trí thông minh khác nhau cũng như có thể giúp cải thiện không khí lớp học tốt hơn.

Ngoài ra hai nguồn chính này ra, phim truyền ảnh, kịch và các loại phim ngắn cũng đã và đang dần chiếm được sự quan tâm nhiều hơn trong nền giáo dục đương đại. Hầu hết những thể loại phim này về cơ bản đều dựa trên những câu chuyện có thật và được kể dưới hình thức phong phú hơn. Vậy nên việc áp dụng tài liệu phim ảnh là một cách làm hợp lý và mang nhiều lợi ích giúp cho học sinh có cơ hội trải nghiệm những tình huống thực tế cụ thể và từ đó cũng có thể giúp phát triển khả năng tự học. Học sinh sẽ có được định hướng trong việc sử dụng ngôn ngữ cũng như trải nghiệm các tương tác đa văn hoá trong môi trường làm việc ở trong các bộ phim, từ đó, hoàn thiện được độ chính xác và trôi chảy trong quá trình học ngôn ngữ (Bajrami & Ismaili, 2016).

##### 2.1.2. Nguồn học tập có tương tác

Nguồn học tập có tương tác càng ngày càng phổ

biến hơn trong giới học thuật trên thế giới. Những ví dụ cụ thể của loại hình học tập này có thể kể đến trao đổi thư điện tử với bạn qua thư ảo, tranh luận về những vấn đề nóng qua các thư điện tử và một số nền tảng trực tuyến, hệ thống bảng tin điện tử trực tuyến và đặc biệt, được sự dụng nhiều nhất hiện nay đó là học tập trực tuyến có tương tác qua các phần mềm họp và học tập trực tuyến. Những kênh học tập này giúp đa dạng hoá trải nghiệm của cá nhân, có khả năng hỗ trợ những lớp học đa trình độ và cung cấp môi trường thảo luận trên phạm vi rộng rãi. Ngoài ra, nguồn học tập có tương tác này còn có thể được nói tới như là một cộng đồng thực hành chia sẻ tri thức (Community of practice) mà trong cộng đồng này các thành viên sẽ cố gắng hỗ trợ lẫn nhau, chia sẻ kiến thức vào cùng nhau gắn kết vào những hoạt động mang tính cộng tác tương hỗ (Wenger-Trayner, 2015). Tóm lại, việc học tập ở các nguồn có tương tác này sẽ tăng cường tinh thần học tập, khuếch đại tính hiệu quả trong học tập và còn cổ vũ tinh thần học tập tự chủ, tự giác của học sinh.

#### 2.2. Vai trò của giáo viên trong việc khuyến khích tính tự chủ trong học tập

Vai trò của giáo viên đã trải qua sự thay đổi rất lớn từ phương thức truyền thống tập trung vào giáo viên – là người truyền tải kiến thức sang đến phương thức đương đại tập trung vào học sinh và trong đó giáo viên có vai trò là người trợ giúp tổ chức các hoạt động học. Vai trò mới này đòi hỏi người giáo viên phải vừa giúp học sinh trong quá trình đạt được hiệu quả trong việc tự học và còn giúp chúng phát triển được hình thức đánh giá quá trình học của bản thân mình (Tudor, 1993; được trích từ bài viết của Hoàng, 2018). Nghiên cứu từ Gremmo và Riley (1995; được trích từ bài viết của Hoàng, 2018) cho thấy được tiềm năng trong việc phát triển tính tự học của sinh viên nhờ có sự hỗ trợ của giáo viên, cụ thể hai phương pháp giảng dạy được nhắc đến ở đây là: Thứ nhất, khai sáng cho sinh viên thấy được giá trị của việc học tập bằng những ý tưởng mang tính đổi mới và nâng cao; những kỹ năng cần áp dụng trong quá trình tiếp thu một ngôn ngữ mới và khơi dậy ý thức và tầm quan trọng của việc tự học. Thứ hai, thành lập một trung tâm học tập mà ở đó sẽ có các giáo viên phụ trách việc hỗ trợ trả lời các câu hỏi liên quan tới việc tự đánh giá cũng như giải đáp thông tin về những kiến thức cần thiết trên nền tảng các bài tự học của sinh viên. Nói tóm lại, giáo viên đóng một vai trò rất quan trọng trong việc thúc đẩy việc tự học của sinh viên, vì vậy nên giáo viên cần phải tìm được những phương pháp giảng dạy phù hợp để hướng dẫn sinh viên trong quá trình hình thành việc học tập tự chủ.

### 2.3. Những lợi ích của phim ngắn mang lại cho việc học tập Tiếng Anh một cách tự chủ

Việc áp dụng những tài liệu phim ảnh trong giảng dạy trong tiếng Anh đã mang lại cực kì nhiều lợi ích cho nền giáo dục. Những lợi ích này phải kể đến việc khơi dậy niềm đam mê học tập và khuyến khích tính tự học trong học tập cho sinh viên. Bằng việc sử dụng phim ngắn trong lớp học, giáo viên có thể trực tiếp cung cấp cho học sinh một lượng lớn kiến thức nền về văn hoá xã hội, những góc nhìn đa chiều và thái độ tích cực trong cuộc sống. Không khí lớp học cũng từ đó sẽ sôi nổi hơn, đóng góp một phần lớn hỗ trợ cho học sinh sinh viên yêu thích việc học và dễ nhớ những thông tin bài học mang lại hơn. So với việc giảng dạy tiếng Anh theo phong cách truyền thống, thì việc học như thế này sẽ chuyển hoá hoàn toàn chiến lược học tập sang lấy người học làm trung tâm (Bajrami & Ismaili, 2016). Rất nhiều nhà nghiên cứu cũng đã tìm hiểu về vấn đề này (Thanajaro, 2000; Maneekul, 2002; Rice, 1993) và khẳng định rằng động lực học tập của học sinh đã được tăng lên đáng kể trong khi học ngôn ngữ nói chung, và cụ thể là kĩ năng nghe-hiểu và giao tiếp giữa các thành viên trong lớp học.

Thứ hai là, nếu so sánh với những loại hình tài liệu thực tế khác, thì các đoạn phim ngắn được coi là một nguồn học tập tạo động lực học tốt hơn vì học sinh có thể vừa học lại vừa giải trí cùng một lúc (Christopher & Ho, 1996). Bối cảnh phim, nhạc nền và những tính cách khác nhau của các nhân vật trong phim khiến cho việc học trở thành một trải nghiệm tuyệt vời hơn. Thêm vào đó, chủ đề và các ý tưởng trong phim khá đa dạng cho học sinh bàn luận và luyện tập thêm. Quan trọng hơn nữa, gần như ai cũng có thể thấy được rằng những khái niệm về văn hoá xã hội được thể hiện một cách rất linh hoạt trong phim mà văn hoá lại chính là nguyên nhân khá lớn cho việc học một ngôn ngữ của bất kì học sinh nào.

Việc chọn một đoạn phim ngắn phù hợp cho một lớp học cụ thể là cực kì cần thiết để đảm bảo được tính hiệu quả trong việc sử dụng nó. Các chủ đề nên được lựa chọn dựa trên trình độ tiếng Anh của học sinh cũng như các khía cạnh văn hoá và sở thích cá nhân của học. Việc thiết kế các bài nghe, lựa chọn nội dung của những đoạn phim đó và các bài học thiết kế cho các hoạt động là rất quan trọng (Nunan, 2003). Cùng quan điểm đó, Berk (2009) đề xuất rằng hầu hết các bộ phim nổi tiếng gần đây, các chương trình truyền hình, đoạn phim ngắn được xếp hạng cao trên Youtube có chủ đề phù hợp với chuyên ngành học của sinh viên chính là những nguồn cực kì phù hợp để chọn cho các buổi học tiếng Anh ở môi trường Đại học.

Vai trò của giáo viên, như đã được nói ở trên là rất

quan trọng trong quá trình áp dụng video trên lớp và hình thành quyền tự chủ cho học sinh. Dựa trên những nghiên cứu và tóm tắt của mình, Berk (2009) đã trình bày những cách cơ bản và hiệu quả để thực hiện video:

“1. Chọn một đoạn video hoặc một đoạn của một bộ phim / chương trình, v.v. để giới thiệu cho sinh viên một khái niệm hoặc quá trình sẽ được nghiên cứu;

2. Cung cấp cho học sinh các hướng dẫn hoặc câu hỏi nghị luận để các em hiểu những chi tiết nào cần đặc biệt chú ý trong quá trình xem;

3. Giới thiệu ngắn gọn video để nhấn mạnh mục tiêu;

4. Phát video hoặc phân đoạn của video;

5. (Có thể) dùng video tại bất kỳ thời điểm nào để đánh dấu khoảnh khắc nào đó hoặc phát lại một hai lần nữa cho một hoạt động cụ thể trong lớp;

6. Đặt thời gian để học viên suy ngẫm về những gì đã thấy;

7. Tổ chức một hoạt động học tập để tương tác về các vấn đề hoặc khái niệm nhất định trong clip;

8. Thúc đẩy thảo luận thêm trong các nhóm nhỏ và / hoặc nhóm lớn liên quan đến tài liệu đã xem.” (Berk, 2009, tr.10)

### 3. Kết luận

Các tài liệu video được chứng minh là có tiềm năng và có giá trị trong giáo dục và việc kết hợp các video clip vào giảng dạy có thể bổ sung thêm một phương pháp mới, lạ và hay cho giáo viên (Berk, 2009). Những lợi ích chúng mang tới hết sức rõ ràng; tuy nhiên, cách giáo viên áp dụng video trong lớp ra sao sẽ là nhân tố cốt lõi đảm bảo được tính hiệu quả trong hoạt động này.

### Tài liệu tham khảo

1. Berk, R. A. (2009). Multimedia Teaching with Video Clips: TV, Movies, YouTube, and mtvU in the College Classroom. *International Journal of Technology in Teaching and Learning*, 5 (1), 1-21.

2. Borg, S. & Al-Busaidu, A.S. (2012). Learner autonomy: English language teachers' beliefs and practices. *University of Leeds: ELT research paper*. Retrieved from <http://www.britishcounsel.org/>

3. Chan, V., Spratt, M., & Humphreys, G. (2002). Autonomous language learning: Hong Kong tertiary students' attitudes and behaviours. *Evaluation and Research in Education*, 16(1), 1-18.

4. Yahong, L. (2009). How can I help my students promote learner-autonomy in English language learning. *Educational journal of living theories*, 2(3), 365-398.

5. Zhong, Y. (2008). A Study of Autonomy English Learning on the Internet. *English language teaching*, 1(2), 147-150.